

Bản án số: 72/2022/HS-ST
Ngày: 30/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Long Hinh; bà Nguyễn Thị Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Tạ Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2022, tại Phòng xử án hình sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2022/TLST-HS ngày 27/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HS ngày 12/12/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1987 tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi ĐKKHKT: Số nhà 10, tổ 20, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Khi phạm tội là Kế toán Ban Nội chính Tỉnh ủy Hà Giang; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn L1 (*đã chết*) và bà Bùi Thị T3, sinh năm 1956; chồng là Vương Ngọc S1, sinh năm 1984; có 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ Ban Nội chính Tỉnh ủy, ngày 16/12/2021 bị khai trừ Đảng theo Quyết định thi hành kỷ luật số 138-QĐ/UBKTTU của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy Hà Giang;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/01/2022, đến ngày 28/7/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp "Bảo lãnh"; *có mặt*.

2. Nguyễn Văn C, sinh năm 1975 tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nơi ĐKKHKT: Số nhà 47, tổ 08, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Khi phạm tội là Chánh Văn phòng Ban Nội chính Tỉnh ủy Hà Giang; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Sỹ C2, sinh năm: 1952 và bà Đinh Thị T4, sinh năm 1954; vợ là Đoàn Thị Lan H1, sinh năm 1974; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ Ban Nội chính Tỉnh ủy, giữ chức vụ Phó Bí thư chi bộ,

ngày 16/12/2021 bị khai trừ Đảng theo Quyết định thi hành kỷ luật số 137-QĐ/UBKTTU của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy Hà Giang;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/01/2022 đến ngày 28/7/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp "Bảo lãnh"; *có mặt*.

- **Bị hại:** Ban Nội chính Tỉnh ủy Hà Giang; địa chỉ: Số 547, tổ 5, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đoàn Thị Tân H, sinh năm: 1968. Chức vụ: Phó trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy; địa chỉ: Số nhà 50, phố V, tổ 4, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *có mặt*.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Sùng Minh S, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt*.

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984; địa chỉ: Ngõ 20, đường L, tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt*.

3. Ông Triệu Là P, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ 2, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt*.

4. Ông Lưu Đức H2, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 03, phường N, thành phố N, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt*.

5. Ông Đặng Văn H3, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 12, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt*.

6. Ông Hoàng Quốc P1, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 17, phường M, thành phố M, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt*.

7. Bà Giàng Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 2, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *có mặt*.

8. Ông Nguyễn Quang V1, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 1, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt*.

9. Ông Nguyễn Đức V2, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 9, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt*.

10. Ông Ngô Tuấn M, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 15, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt*.

11. Bà Mai Thủy L1, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 11, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt*.

12. Bà Nguyễn Thị Thu C1, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 4, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt*.

13. Bà Sâm Thị Thu H4, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 16, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt*.

14. Ông Lương Văn B, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 01, phường N, thành phố

H, tỉnh Hà Giang; *có đơn xin vắng mặt.*

15. Bà Lò Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt.*

16. Ông Nguyễn Quốc H5, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 01, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt.*

17. Ông Cao Xuân H6, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 21, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt.*

18. Ông Bùi Quang T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 17, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt.*

19. Ông Lê Khắc T1, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 02, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội; *vắng mặt.*

20. Bà Trần Thị Thu H7, sinh năm 1985; địa chỉ: Số nhà 200, đường N, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt.*

21. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1979; trú tại: Tổ 12, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt.*

22. Bùi Quang T2, sinh năm 1982; trú tại: Tổ 17, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2014 đầu năm 2015 ông Sùng Minh S - Trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy chỉ đạo trong một số buổi giao ban về việc giữ lại tiền làm thêm giờ với nội dung "*Do kinh phí đơn vị còn hạn hẹp nên toàn bộ tiền làm thêm giờ của cán bộ giữ lại để chi chung cho hoạt động của cơ quan*". Thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của ông S, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, từ năm 2015 đến năm 2019 bị cáo Nguyễn Thị Hồng V - Kế toán Ban Nội chính đã quyết toán tổng số tiền làm thêm giờ là **923.484.296đ**. Trong đó, số tiền cán bộ đi làm thực tế và quyết toán lập chứng từ đúng là **250.046.863đ**; số tiền trực cán bộ được hưởng theo chế độ thanh toán vào tiền làm thêm giờ là **81.966.091đ**; một số cán bộ không làm thêm giờ nhưng Nguyễn Thị Hồng V tự lập bảng chấm công thêm giờ; Bảng kê thanh toán tiền làm thêm giờ của 14 cán bộ rồi đưa cho Nguyễn Văn C - Chánh Văn phòng ký vào chứng từ để thanh quyết toán không với số tiền là **591.471.342đ**, cụ thể như sau:

- Từ quý IV/2014 đến quý III/2015, bị cáo Vân lập không chứng từ của 07 cán bộ để thanh toán số tiền **84.982.862đ** gồm: Ông Hoàng Quốc P1 số tiền 18.411.794đ; ông Đặng Văn H3 số tiền 8.560.822đ; ông Nguyễn Đức V2 số tiền 26.714.631đ; bà Sâm Thị Thu H4 số tiền 17.990.111đ; bà Trần Thị Thu H7 số tiền 679.023đ; ông Lương Văn B số tiền 6.639.019đ; ông Nguyễn Quang V1 số tiền 5.987.462đ.

- Từ quý IV/2015 đến quý III/2016, bị cáo V lập không chứng từ của 09 cán bộ để thanh toán số tiền **95.272.371đ** gồm: Ông Hoàng Quốc P1 số tiền 3.990.376đ; ông Nguyễn Đức V2 số tiền 24.771.745đ; bà Sầm Thị Thu H4 số tiền 19.758.889đ; bà Lò Thị N số tiền 7.343.422đ; ông Nguyễn Quang V1 số tiền 7.713.717đ; ông Lương Văn B số tiền 15.848.620đ; ông Đặng Văn H3 số tiền 2.780.256đ; bà Nguyễn Thị H1 số tiền 4.236.641đ; ông Ngô Tuấn M số tiền 8.828.705đ.

- Từ quý IV/2016 đến quý III/2017, bị cáo Vân lập không chứng từ của 09 cán bộ để thanh toán số tiền **136.618.664đ** gồm: ông Hoàng Quốc P1 số tiền 11.754.875đ; ông Nguyễn Đức V2 số tiền 29.857.745đ; bà Sầm Thị Thu H4 23.926.691đ; ông Lương Văn B số tiền 21.423.432đ; bà Lò Thị N số tiền 9.875.353đ; ông Ngô Tuấn M số tiền 19.507.409đ; ông Nguyễn Quang V1 số tiền 10.011.600đ; Nguyễn Thị H1 số tiền 5.294.509đ; ông Đặng Văn H3 số tiền 9.875.353đ.

- Từ quý IV/2017 đến quý IV/2018, bị cáo Vân lập không chứng từ của 11 cán bộ để quyết toán không số tiền **199.550.903đ** gồm: Ông Nguyễn Đức V2 số tiền 38.004.236đ; bà Sầm Thị Thu H4 29.344.609đ; ông Lương Văn B số tiền 26.153.489đ; bà Lò Thị N số tiền 18.124.471đ; ông Ngô Tuấn Minh số tiền 24.860.327đ; ông Nguyễn Quang V1 số tiền 14.204.973đ; bà Nguyễn Thị H1 số tiền 11.686.519đ; bà Nguyễn Thị Thu C1 số tiền 9.076.507đ; ông Nguyễn Quốc H5 số tiền 12.282.600đ; bà Mai Thủy L1 số tiền 14.101.577đ; bà Giàng Thị L số tiền 1.711.595đ.

- Từ quý I/2019 đến tháng 10/2019, bị cáo V lập không chứng từ của 11 cán bộ để quyết toán không số tiền **75.046.542đ** gồm: Ông Nguyễn Đức V2 số tiền 13.120.366đ; bà Sầm Thị Thu H4 5.587.168đ; ông Lương Văn B số tiền 5.568.845đ; bà Lò Thị N số tiền 7.731.450đ; ông Ngô Tuấn M số tiền 14.337.703đ; ông Nguyễn Quang V1 số tiền 8.364.152đ; bà Nguyễn Thị H1 số tiền 4.108.078đ; bà Nguyễn Thị Thu C1 số tiền 2.325.407đ; ông Nguyễn Quốc H5 số tiền 7.887.200đ; ông Hoàng Quốc P1 số tiền 2.513.373đ; bà Giàng Thị L số tiền 3.502.800đ.

Tổng số tiền làm thêm giờ được thanh toán từ năm 2015 đến năm 2019 là **923.484.296đ** được chi như sau:

- Chi tiền trực cho cán bộ và một phần tiền làm thêm giờ là **113.236.216đ**.

- Số tiền giữ lại để chi cho các hoạt động của cơ quan là **810.248.080đ**, trong đó: Số tiền cán bộ làm thêm giờ tự nguyện giao nộp lại là **218.776.738đ**, số tiền lập không chứng từ là **591.471.342đ**. Toàn bộ số tiền này được giao cho bà Nguyễn Thị H1 - Thủ quỹ quản lý và chi cho các hoạt động của cơ quan gồm:

+ Chi có bảng kê, chữ ký của người nhận tiền là **319.805.000đ**, trong đó: Chi tiền hỗ trợ may trang phục 57.000.000đ; chi tiền Tết Nguyên đán 76.000.000đ; chi soạn thảo văn bản 102.805.000đ; chi tiền Tết Nguyên đán 84.000.000đ (*có bảng kê có chữ ký người nhận tiền nhưng do cách bảo quản lưu trữ nên mất bảng kê*).

+ Các khoản chi thực tế phục vụ cho các hoạt động của cơ quan hàng năm số tiền **483.565.080đ** gồm: Chi dọn dẹp vệ sinh cơ quan ngày tết; chi mừng tuổi cán

bộ trong cơ quan; chi mua bếp từ và đồ gia dụng năm 2017; chi mua đồ lễ thấp hương chuyển nhà mới, chi xem ngày vào nhà mới, mua bánh kẹo, đào quất ngày tết; chi tiền mua rượu vang, rượu sa kê uống ngày tết; chi tiền mua rượu, đồ ngâm rượu; chi mua cây cảnh cho cơ quan; chi bồi dưỡng cán bộ công an chuyển nhà mới; chi mua 2 chỉ vàng và chi tiền hát chia tay đ/c T - Nguyên Phó trưởng Ban Nội chính khi chuyển công tác; chi mua tranh cho đoàn tham quan miền nam; chi tiền mua hoa quả cho đoàn kiểm tra công tác văn thư, lưu trữ; chi tiền mua hoa ngày 8/3, ngày 20/10; Chi tiền hỗ trợ cán bộ đi phục vụ Hội nghị giao ban cụm tại Đồng Văn; thanh toán tiền tổ chức cho chị em đi chơi ngày 20/10/2016 tại Đ; chi mua hoa quả tiếp Ban chỉ huy quân sự Thành ủy Hà Giang; chi tiền ăn cho đoàn đi viếng đám hiếu bố đồng chí Phó trưởng ban; tiền mua khẩu trang y tế; chi tiền ăn, tiền hát các ngày lễ tết, ngày kỷ niệm; chi tiền cho chuyến công tác học tập kinh nghiệm tại Ninh Bình, Quảng Ninh; chi cho đoàn công tác Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ; chi bù tiếp khách các huyện trong tỉnh; chi thuê người dọn bể nước, mái nhà làm việc; chi mua quà cho đoàn khách của Ban Nội chính Trung ương khi lên làm việc tại Hà Giang...

- Số tiền còn tồn là **6.878.000đ** do bà H1 quản lý, ngày 22/7/2022 bà Huyền đã tự nguyện giao nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Như vậy, hành vi lập khống chứng từ để thanh toán tiền làm thêm giờ của các bị cáo gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước số tiền 591.471.342đ.

2. Đối với chi thanh toán tiền công tác phí

Từ năm 2015 đến năm 2018, trong các chuyến đi công tác do kinh phí chi theo chế độ công tác phí không đủ nên cán bộ đi công tác xin thêm người để bù chi phí cho chuyến công tác. Sau đó, Nguyễn Thị Hồng V báo cáo lại cho Nguyễn Văn C biết và được C đồng ý. Căn cứ Công văn, giấy mời, đề xuất của cán bộ đi công tác, bị cáo C chỉ đạo bị cáo V cấp xăng, cấp xe, cấp giấy đi đường cho cán bộ, ngoài giấy đi đường cấp đủ cho cán bộ đi công tác, bị cáo V còn đưa giấy đi đường có sẵn chữ ký của bị cáo C chưa điền tên người đi công tác, ngày đi công tác để cho lái xe hoặc cán bộ đi công tác xin dấu và chữ ký của nơi đến công tác, sau đó căn cứ vào mức chi thực tế của đoàn bị cáo V điền thêm người, thêm ngày vào giấy đi đường để phù hợp với chứng từ thanh toán. Ngoài ra, còn một số chuyến công tác thanh toán trùng ngày cho cán bộ đi công tác. Tổng số tiền bị cáo V đã lập chứng từ khống để quyết toán vào tiền công tác phí là **119.711.200đ**, cụ thể:

- Năm 2015 thêm người, thanh toán trùng ngày vào 37 chuyến công tác số tiền 57.601.200đ gồm các phiếu chi:

+ Phiếu chi số C52 ngày 24/3/2015 đi công tác tại tỉnh Yên Bái thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 1.350.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C171 ngày 01/9/2015 đi công tác tại thành phố Hà Nội thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 1.650.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C112 ngày 30/6/2015 đi công tác tại tỉnh Sơn La thêm tên bà Sầm Thị Thu H4 vào chứng từ số tiền 1.350.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C230 ngày 29/12/2015 đi công tác tại thành phố Đà Nẵng thêm tên ông Nguyễn Đức V2, bà Sầm Thị Thu H4, ông Nguyễn Quang V1 vào chứng từ để thêm tiền cho đoàn công tác, số tiền công tác phí của 03 người là 4.500.000đ và tiền ngủ 9 đêm là 8.100.000đ; tổng số tiền kê không thêm vào chuyển công tác này là 12.600.000đ.

+ Phiếu chi số C111 ngày 15/6/2015 đi công tác tại tỉnh Lạng Sơn thêm tên ông Nguyễn Đức V2, bà Sầm Thị Thu H4, ông Cao Xuân H6 vào chứng từ số tiền là 5.250.000đ, trong chứng từ này thiếu giấy đi đường của ông Cao Xuân H6 do bị cáo V lưu trữ không cẩn thận nên để thất lạc.

+ Phiếu chi số C135 ngày 18/7/2015 đi công tác tại thành phố Hà Nội thêm tên ông Nguyễn Đức V2, Cao Xuân H6 vào chứng từ số tiền 3.300.000đ.

+ Phiếu chi số C228 ngày 28/12/2015 đi công tác tại tỉnh Cao Bằng thêm tên ông Nguyễn Đức V2, Cao Xuân H6, bà Sầm Thị Thu H4, ông Hoàng Quốc P1 vào chứng từ số tiền 4.200.000đ.

+ Phiếu chi số C220 ngày 23/12/2015 đi công tác tại thành phố Hà Nội, B thực tế ông V2 và Cao H6 có đi công tác tại Hà Nội dự Hội nghị lấy ý kiến tham gia dự thảo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 48NQ/TW ngày 09/12/2015 tại B nhưng do không quyết toán ngay nên bị cáo V làm nhầm ngày số tiền thanh toán là 3.860.000đ.

+ Phiếu chi số C116 ngày 23/6/2015 đi công tác tại huyện B thêm tên ông Nguyễn Đức V2, bà Sầm Thị Thu H4 vào chứng từ số tiền 1.700.000đ.

+ Phiếu chi số C117 ngày 28/6/2015 đi công tác tại huyện Q thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ (*giấy đi đường của ông V2 do ông Sùng Minh S ký nhầm, ông Lê Khắc T1 ký nhận trên Bảng kê thanh toán*) số tiền 600.000đ.

+ Phiếu chi số C150 ngày 11/8/2015 đi công tác tại huyện Q thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 600.000đ.

+ Phiếu chi số C162 ngày 24/8/2015 đi công tác tại huyện M thêm tên ông Nguyễn Đức V2, bà Sầm Thị Thu H4 vào chứng từ số tiền 1.200.000đ.

+ Phiếu chi số C170 ngày 31/8/2015 đi công tác tại xã P, M huyện V thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 350.000đ.

+ Phiếu chi số C134 ngày 24/7/2015 đi công tác tại xã P huyện V thực tế đoàn có đi công tác nhưng vì để lâu bị cáo không nhớ ngày nên điền vào ngày đi công tác trùng với ngày tổ chức Hội nghị giao ban cụm tại huyện Đ từ ngày 19/7/2015 đến ngày 21/7/2015 của ông Hoàng Quốc P1, ông Nguyễn Đức V1, ông Cao Xuân H6, bà Sầm Thị Thu H4 và bị cáo V số tiền 3.100.000đ.

+ Phiếu chi số C54 ngày 24/3/2015 đi công tác tại xã T, huyện V thêm tên bà Trần Thị Thu H7 vào chứng từ số tiền 80.000đ.

- + Phiếu chi số C188 ngày 31/8/2015 đi công tác tại huyện Y thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 600.000đ.
- + Phiếu chi số C164 ngày 24/8/2015 đi công tác tại huyện Y thêm tên ông Hoàng Quốc P1, Nguyễn Quang V1 vào chứng từ số tiền 1.200.000đ.
- + Phiếu chi số 155 ngày 14/8/2015 đi công tác tại huyện Q1 thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 850.000đ.
- + Phiếu chi số C165 ngày 30/8/2015 đi công tác tại huyện Q1 thêm tên bị cáo Vân và ông Hoàng Quốc P1 vào chứng từ số tiền 1.700.000đ.
- + Phiếu chi số C69 ngày 29/4/2015 đi công tác tại huyện Q1 thêm tên bà Trần Thị Thu H7 vào chứng từ số tiền 350.000đ chứng từ do Vân nhờ bà Sầm Thị Thu H4 ký thay bà H7.
- + Phiếu chi số C42 ngày 17/3/2015 đi công tác tại huyện Q1 thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 80.000đ.
- + Phiếu chi số C124 ngày 02/7/2015 đi công tác tại huyện Q1 thêm tên ông Cao Xuân H6, bà Sầm Thị Thu H4 vào chứng từ số tiền 1.411.200đ.
- + Phiếu chi số C234 ngày 31/12/2015 đi công tác tại huyện Q1 thêm tên ông Cao Xuân H6 vào chứng từ số tiền 600.000đ.
- + Phiếu chi số C216 ngày 22/12/2015 đi công tác tại huyện Q1 thêm tên ông Cao Xuân H6 vào chứng từ số tiền 600.000đ.
- + Phiếu chi số C211 ngày 27/11/2015 đi công tác tại huyện Q1 thêm tên ông Cao Xuân H6 vào chứng từ số tiền 600.000đ.
- + Phiếu chi số C203 ngày 08/11/2015 đi công tác tại huyện Xín Mần thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 600.000đ.
- + Phiếu chi số C06 ngày 22/01/2015 đi công tác tại huyện Xín Mần thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 1.100.000đ do ông Quang V1 ký thay Bảng kê thanh toán.
- + Phiếu chi số C200 ngày 28/10/2015 đi công tác tại huyện Xín Mần thêm tên ông Nguyễn Đức V2, Cao Xuân H6 vào chứng từ số tiền 1.000.000đ.
- + Phiếu chi số C46 ngày 23/3/2015 đi công tác tại huyện Xín Mần thêm tên bà Trần Thị Thu H7, ông Đặng Văn H3 vào chứng từ số tiền 1.200.000đ.
- + Phiếu chi số C196 ngày 28/10/2015 đi công tác tại huyện H thêm tên ông Cao Xuân H6 vào chứng từ số tiền 600.000đ.
- + Phiếu chi số C195 ngày 28/10/2015 đi công tác tại huyện Đ thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 700.000đ.
- + Phiếu chi số C65 ngày 28/4/2015 đi công tác tại huyện Q thêm tên ông Nguyễn Quang V1 vào chứng từ số tiền 600.000đ.

+ Phiếu chi số C99 ngày 22/5/2015 đi công tác tại huyện Đ thêm tên bà Trần Thị Thu H7, bà Sầm Thị Thu H4, ông Cao Xuân H6 vào chứng từ số tiền 1.900.000đ.

+ Phiếu chi số 64 ngày 18/4/2015 và Phiếu chi số 81 ngày 06/5/2015 thanh toán trùng ngày 16/4/2015 cho ông Sùng Minh S và Nguyễn Văn C số tiền 160.000đ.

+ Phiếu chi số 113 ngày 24/6/2015 và Phiếu chi số 115 ngày 22/6/2015 thanh toán trùng ngày 16/6/2015 cho ông Sùng Minh S và Nguyễn Văn C số tiền 160.000đ.

+ Phiếu chi số 138 ngày 27/7/2015 và Phiếu chi số 143 ngày 30/7/2015 thanh toán trùng ngày 16/7/2015 cho ông Sùng Minh S, Lê Khắc T1, Nguyễn Thị Hồng V số tiền 300.000đ.

+ Phiếu chi số 188 ngày 14/10/2015 và Phiếu chi số 196 ngày 28/10/2015 thanh toán trùng ngày 13/10/2015 cho ông Nguyễn Quang V1 số tiền 100.000đ.

- Năm 2016 thêm người, thanh toán trùng ngày vào 44 chuyến công tác với số tiền 38.270.000đ gồm các phiếu chi:

+ Phiếu chi số C181 ngày 18/10/2016 đi công tác tại thành phố Hà Nội thêm tên ông Nguyễn Đức V1 vào chứng từ số tiền 1.500.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác. Giấy đi đường và Bảng kê thanh toán do ông Nguyễn Quang Việt ký thay.

+ Phiếu chi số C171 ngày 06/10/2016 đi công tác tại thành phố Hà Nội thêm tên ông Nguyễn Đức V1 vào chứng từ số tiền 1.050.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác. Giấy đi đường và Bảng kê thanh toán do ông Nguyễn Văn N1 ký thay.

+ Phiếu chi số C143 ngày 07/8/2016 đi công tác tại tỉnh Thái Nguyên thêm tên bà Sầm Thị Thu H4, Nguyễn Thị Thu C1 vào chứng từ số tiền 2.700.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác, chữ ký nhận tiền trên Bảng thanh toán công tác phí của bà C1 do ông Nguyễn Quang V2 ký thay.

+ Phiếu chi số C139 ngày 08/8/2016 đi công tác tại Lào Cai - Lai Châu - Điện Biên thêm tên ông Nguyễn Đức V2, bà Sầm Thị Thu H4 vào chứng từ số tiền 5.100.000đ.

+ Phiếu chi số C219 ngày 27/12/2016 đi công tác tại tỉnh Bắc Giang thêm tên ông Nguyễn Đức V2, bà Sầm Thị Thu H4 vào chứng từ số tiền 2.700.000đ. Giấy đi đường của ông Nguyễn Đức V2 do ông Nguyễn Văn N1 ký thay, chữ ký trên Bảng kê thanh toán tiền công tác phí do ông Nguyễn Quang V2 ký thay.

+ Phiếu chi số C0073 ngày 06/4/2016 đi công tác tại thành phố Hà Nội thêm tên bà Sầm Thị Thu H4 vào chứng từ số tiền 750.000đ.

+ Phiếu chi số C120 ngày 21/6/2016 đi công tác tại thành phố Hà Nội thêm tên ông Nguyễn Đức V2, bà Sầm Thị Thu H4 vào chứng từ số tiền 3.000.000đ.

+ Phiếu chi số C149A ngày 29/8/2016 đi công tác tại huyện B1 thêm tên ông Nguyễn Đức V2, vào chứng từ số tiền 200.000đ.

+ Phiếu chi số C194 ngày 10/11/2016 đi công tác tại huyện B thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 350.000đ. Chữ ký trên Bảng kê thanh toán của ông V2 do ông Lê Khắc T1 ký thay.

+ Phiếu chi số C32 ngày 01/2/2016 đi công tác tại huyện B thêm tên bà Sâm Thị Thu H4 vào chứng từ số tiền 400.000đ. Chữ ký trên giấy đi đường của bà H4 do ông N1 ký thay.

+ Phiếu chi số C104 ngày 30/5/2016 đi công tác tại huyện B thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 200.000đ. Chữ ký trên giấy đi đường của ông Nguyễn Đức V2 do ông Nguyễn Quang V1 ký thay, chữ ký trên Bảng kê thanh toán của ông V2 do ông Ngô Tuấn M ký thay.

+ Phiếu chi số C62 ngày 22/3/2016 đi công tác tại huyện B thêm tên ông Cao Xuân H6 vào chứng từ số tiền 80.000đ. Ông N1 là người ký thay giấy đi đường và Bảng kê thanh toán.

+ Phiếu chi số C71B ngày 29/3/2016 đi công tác tại huyện Bắc Quang thêm tên ông Cao Xuân H6 vào chứng từ số tiền 200.000đ.

+ Phiếu chi số C117 ngày 18/6/2016 đi công tác tại huyện Q thêm tên ông Cao Xuân H6, Ngô Tuấn M vào chứng từ số tiền 700.000đ. Chữ ký, chữ viết Cao Xuân H6 trên chứng từ có phải của ông H6 hay không và nhờ ai ký thì bị cáo V không nhớ.

+ Phiếu chi số C150 ngày 29/8/2016 đi công tác tại huyện B1 thêm tên bà Sâm Thị Thu H4, Nguyễn Thị Thu C1 vào chứng từ số tiền 1.200.000đ.

+ Phiếu chi số C0129 ngày 07/7/2016 đi công tác tại huyện B1 thêm tên bà Nguyễn Thị Thu C1 vào chứng từ số tiền 350.000đ.

+ Phiếu chi số C102 ngày 30/5/2016 đi công tác tại huyện B1 thêm tên bà Sâm Thị Thu H4 vào chứng từ số tiền 200.000đ.

+ Phiếu chi số 192 ngày 10/11/2016 đi công tác tại huyện Vị Xuyên thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 80.000đ. Chữ ký trên Bảng kê thanh toán của ông V2 do ông N1 ký thay.

+ Phiếu chi số C118 ngày 18/6/2016 đi công tác tại huyện V thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 80.000đ.

+ Phiếu chi số C154 ngày 07/9/2016 đi công tác tại huyện V thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 80.000đ.

+ Phiếu chi số C115 ngày 19/6/2016 đi công tác tại huyện Y thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 600.000đ.

+ Phiếu chi số C112 ngày 30/5/2016 đi công tác tại huyện Y thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 300.000đ. Ông T1 là người ký thay trên Bảng kê thanh toán và Giấy đi đường.

+ Phiếu chi số C079 ngày 11/4/2016 đi công tác tại huyện Y thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 600.000đ.

+ Phiếu chi số C141 ngày 08/8/2016 đi công tác tại huyện Yên Minh thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 700.000đ.

+ Phiếu chi số C195 ngày 10/11/2016 đi công tác tại huyện Yên Minh thêm tên ông Cao Xuân H6, Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 600.000đ. Ông Cao Xuân H6 là người nhận tiền thay ông V2 trên chứng từ thanh toán.

+ Phiếu chi số C155 ngày 07/09/2016 đi công tác tại huyện Y thêm tên ông Cao Xuân H6 vào chứng từ số tiền 350.000đ. Chữ ký chữ viết của ông H6 trên chứng từ thanh toán không phải của ông H6 nhưng nhờ ai ký thì bị cáo V không nhớ.

+ Phiếu chi số C0058 ngày 18/3/2016 đi công tác tại huyện Y thêm tên ông Cao Xuân H6 vào chứng từ số tiền 400.000đ.

+ Phiếu chi số C198 ngày 17/11/2016 đi công tác tại huyện Y thêm tên ông Cao Xuân H6 vào chứng từ số tiền 450.000đ. Ông N1 là người ký thay trên Bảng kê thanh toán và Giấy đi đường.

+ Phiếu chi số C220A ngày 18/12/2016 đi công tác tại huyện Q1 thêm tên bà Lò Thị N, Sầm Thị Thu H4 vào chứng từ số tiền 1.200.000đ. Giấy đi đường của bà N do ông Nguyễn Quang V1 ký thay, bà Hiền ký nhận tiền thay trên Bảng kê thanh toán.

+ Phiếu chi số C140 ngày 08/8/2016 đi công tác tại huyện Q1 thêm tên ông Cao Xuân H6, bà Nguyễn Thị Thu C1 vào chứng từ số tiền 1.700.000đ. Giấy đi đường của bà C1, ông H6 do ông Nguyễn Quang V1 ký thay, ông V1 ký nhận tiền của ông H6 trên Bảng kê thanh toán.

+ Phiếu chi số C202 ngày 18/11/2016 đi công tác tại huyện H thêm tên ông Nguyễn Quang V1 vào chứng từ số tiền 600.000đ.

+ Phiếu chi số C197 ngày 16/11/2016 đi công tác tại huyện B, Q1 thêm tên ông Hoàng Quốc Phong, ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 1.400.000đ. Giấy đi đường của ông P1, ông V2 do ông Nguyễn Văn N1 ký thay.

+ Phiếu chi số C203A ngày 20/11/2016 đi công tác tại huyện Đồng Văn thêm tên ông Cao Xuân H6, bà Nguyễn Thị Thu C1, ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 2.550.000đ. Bà H4 ký thay Giấy đi đường, Bảng kê thanh toán của bà C1, ký thay Giấy đi đường của ông H6; ông V2 ký nhận tiền thay ông H6 trên Bảng kê.

+ Phiếu chi số C148A ngày 29/8/2016 đi công tác tại huyện H, X thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 950.000đ.

+ Phiếu chi số C177 ngày 07/10/2016 đi công tác tại huyện H thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 350.000đ. Chữ ký trên Bảng kê thanh toán do ông Nguyễn Quang V1 ký thay.

+ Phiếu chi số C222 ngày 30/12/2016 đi công tác tại huyện H thêm tên bà Sầm Thị Thu H4 vào chứng từ số tiền 350.000đ.

+ Phiếu chi số C0092 ngày 20/5/2016 đi công tác tại huyện H, Y, M thêm tên ông Nguyễn Đức V2, bà Sầm Thị Thu H4 vào chứng từ số tiền 1.700.000đ. Chữ ký trên Bảng kê thanh toán của ông Nguyễn Đức V2 do ông Nguyễn Văn N1 ký thay, chữ ký trên Giấy đi đường do ông Nguyễn Quang V1 ký thay.

+ Phiếu chi số C142 ngày 07/8/2016 đi công tác tại huyện X, H, Y thêm tên ông Cao Xuân H6 vào chứng từ số tiền 1.050.000đ. Chữ ký trên Bảng kê thanh toán và Giấy đi đường do ông Nguyễn Văn N1 ký thay.

+ Phiếu chi số 102 ngày 30/5/2016 và Phiếu chi số 104 ngày 30/5/2016 thanh toán trùng ngày 25/5/2016 cho ông Nguyễn Quang V1 số tiền 100.000đ.

+ Phiếu chi số 104 ngày 30/5/2016 và Phiếu chi số 112 ngày 30/5/2016 thanh toán trùng ngày 25/5/2016 cho ông Ngô Tuấn M số tiền 100.000đ.

+ Phiếu chi số 141 ngày 08/8/2016 và Phiếu chi số 143 ngày 07/8/2016 thanh toán trùng ngày 26/7 và 27/7/2016 cho ông Sùng Minh S số tiền 600.000đ.

+ Phiếu chi số 159 ngày 29/9/2016 và Phiếu chi số 173 ngày 06/10/2016 thanh toán trùng ngày 15/9/2016 cho ông Nguyễn Văn N1 số tiền 100.000đ.

+ Phiếu chi số 180 ngày 18/10/2016 và Phiếu chi số 188 ngày 22/10/2016 thanh toán trùng ngày 06/10/2016 cho ông Nguyễn Văn N1, Nguyễn Quang V1 số tiền 200.000đ.

+ Phiếu chi số 205A ngày 28/11/2016 và Phiếu chi số 206A ngày 28/11/2016 thanh toán trùng ngày 21/11/2016 cho ông Sùng Minh S, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Quang V1, Nguyễn Văn C số tiền 400.000đ.

- Năm 2017 thêm người, thanh toán trùng ngày vào 14 chuyến công tác số tiền 9.840.000đ, gồm các phiếu chi:

+ Phiếu chi số C64 ngày 03/8/2017 đi công tác tại thành phố T thêm tên bà Sầm Thị Thu H4 vào chứng từ số tiền 500.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C15 ngày 16/3/2017 đi công tác tại huyện B thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 1.100.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C111 ngày 30/12/2017 đi công tác tại huyện B1 thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 600.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C57 ngày 28/6/2017 đi công tác tại huyện V thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 80.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C57 ngày 28/6/2017 đi công tác tại huyện M thêm tên ông Nguyễn Đức V2, Ngô Tuấn M vào chứng từ số tiền 800.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C77 ngày 29/9/2017 đi công tác tại huyện M thêm tên ông Nguyễn Đức V2, Ngô Tuấn M vào chứng từ số tiền 1.200.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C14 ngày 16/3/2017 đi công tác tại huyện Đ thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 350.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C017A ngày 31/3/2017 đi công tác tại huyện Đ thêm tên bà Lò Thị N vào chứng từ số tiền 600.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C0071 ngày 19/9/2017 đi công tác tại thành phố Hà Nội thêm tên ông Ngô Tuấn M vào chứng từ số tiền 1.050.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C0080 ngày 16/3/2017 đi công tác tại huyện Y thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 600.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C0054, ngày 20/6/2017 đi công tác tại huyện B1 thêm tên ông Đặng Văn H3 vào chứng từ số tiền 360.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số 71 ngày 19/9/2017 và PC số 74 ngày 25/9/2017 thanh toán trùng ngày 05, 06/9/2017 cho ông Sùng Minh S; thanh toán 2 lần ngày 13, 14/9/2017 cho ông Sùng Minh S số tiền 2.200.000đ.

+ Phiếu chi số 77 ngày 29/9/2017 và PC số 77A ngày 11/10/2017 thanh toán trùng ngày 26/9/2017 cho ông Sùng Minh S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn N1 số tiền 300.000đ.

+ Phiếu chi số 90 ngày 29/11/2017 và Phiếu chi số 91 ngày 29/11/2017 thanh toán trùng ngày 23/11/2017 cho ông Ngô Tuấn M số tiền 300.000đ.

- Năm 2018 thêm người, thanh toán trùng ngày vào 22 chuyến công tác số tiền 14.000.000đ, gồm các phiếu chi:

+ Phiếu chi số C05 ngày 18/01/2018 đi công tác tại huyện B thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 950.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C51A ngày 27/4/2018 đi công tác tại huyện B thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 300.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C43 ngày 17/4/2018 đi công tác tại huyện B thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 300.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C032 ngày 01/3/2018 đi công tác tại huyện Q thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 300.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C60 ngày 22/6/2018 đi công tác tại huyện B1 thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 300.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C15 ngày 29/01/2018 đi công tác tại huyện V thêm tên bà Sầm Thị Thu H4, bà Nguyễn Thị Thu C1 vào chứng từ số tiền 400.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C56 ngày 15/6/2018 đi công tác tại huyện Y thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 1.050.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C04 ngày 16/01/2018 đi công tác tại huyện Q1 thêm tên bà Lò Thị N, ông Lương Văn B vào chứng từ số tiền 900.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C37 ngày 20/3/2018 đi công tác tại huyện Q1 thêm tên ông Lương Văn B, bà Sầm Thị Thu H4 vào chứng từ số tiền 900.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C49 ngày 25/4/2018 đi công tác tại huyện X lập không chứng từ số tiền là 1.900.000đ để chi phí cho đoàn công tác khác.

+ Phiếu chi số C37 ngày 20/3/2018 đi công tác tại huyện X thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 450.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C15 ngày 29/01/2018 đi công tác tại huyện X thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 450.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C59 ngày 22/6/2018 đi công tác tại huyện Đ thêm tên bà Lò Thị N vào chứng từ số tiền 300.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C19 ngày 31/1/2018 đi công tác tại huyện Đ thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 450.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C41 ngày 13/4/2018 đi công tác tại huyện Đ thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 300.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C31 ngày 28/2/2018 đi công tác tại huyện Đ thêm tên bà Lò Thị N vào chứng từ số tiền 900.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C24 ngày 12/2/2018 đi công tác tại huyện Đ thêm tên ông Đặng Văn H3 vào chứng từ số tiền 100.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C61 ngày 26/6/2018 đi công tác tại huyện Đ thêm tên ông Nguyễn Đức V2 vào chứng từ số tiền 550.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số C69 ngày 12/7/2018 đi công tác tại thành phố Hà Nội thêm tên ông Nguyễn Quang V1 vào chứng từ số tiền 1.850.000đ để thêm tiền cho đoàn công tác.

+ Phiếu chi số 38 ngày 23/3/2018 và Phiếu chi số 46 ngày 23/4/2018 thanh toán trùng ngày 21/3/2018 cho ông Sùng Minh S, bị cáo Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn N1, ông Ngô Tuấn M số tiền 600.000đ.

+ Phiếu chi số 37 ngày 20/3/2018 và Phiếu chi số 43 ngày 17/4/2018 thanh toán trùng ngày 14/3/2018 cho ông Ngô Tuấn M số tiền 150.000đ.

+ Phiếu chi số 42 ngày 16/4/2018 và Phiếu chi số 46 ngày 23/4/2018 thanh toán trùng ngày 27/3/2018 cho ông Sùng Minh S, bị cáo Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn N1, ông Ngô Tuấn M số tiền 600.000đ.

Như vậy, hành vi quyết toán không tiền công tác phí của các bị cáo từ năm 2015 đến năm 2018 gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước số tiền 119.711.200đ.

3. Đối với chi thanh toán tiền tiếp khách:

3.1. Về số tiền 107.821.650đ.

Từ năm 2015 đến năm 2018, trong một số chuyến công tác dù đã được thanh toán tiền công tác phí theo quy định nhưng bị cáo V vẫn làm thủ tục thanh toán số tiền **107.821.650đ** vào 27 phiếu chi đi công tác cho cán bộ Ban Nội chính tại các huyện trên địa bàn tỉnh và ngoại tỉnh vào tiền tiếp khách của cơ quan dù không có công văn, danh sách đoàn khách, cụ thể:

- Phiếu chi số C0055 ngày 25/3/2015: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Bùi Quang T đi công tác tại thành phố Hà Nội số tiền 6.870.000đ.

- Phiếu chi số C0022 ngày 03/2/2016: Thanh toán cho ông Sùng Minh S, ông Nguyễn Văn C, ông Lê Khắc T1, ông Nguyễn Văn N1 đi công tác tại thành phố Hà Nội số tiền 2.846.800đ.

- Phiếu chi số C046 ngày 9/3/2016: Thanh toán cho ông Sùng Minh S, ông Nguyễn Văn C, ông Lê Khắc T1, ông Nguyễn Quang V1, ông Nguyễn Văn N1 đi công tác tại thành phố Hà Nội số tiền 7.200.000đ.

- Phiếu chi số C057 ngày 18/3/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Sùng Minh S, ông Nguyễn Văn C, bà Sầm Thị Thu H4, bà Nguyễn Linh H8, ông Nguyễn Văn N1 đi công tác tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang số tiền 4.800.000đ.

- Phiếu chi số C082 ngày 22/4/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Sùng Minh S, ông Nguyễn Văn C, ông Lê Khắc T1, ông Nguyễn Văn N1 đi công tác tại thành phố Hà Nội số tiền 5.568.000đ.

- Phiếu chi số C058A ngày 22/4/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Trần Xuân T3, ông Đặng Văn H3, ông Nguyễn Đức V2, bà Hoàng Thị Thu H9, ông Cao Xuân H6, bà Giàng Thị L, bà Nguyễn Linh H8, ông Bùi Quang T, ông Hoàng Văn H10 số tiền 11.700.000đ.

- Phiếu chi số C0120 ngày 21/6/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Sùng Minh S, ông Nguyễn Văn C, bà Sầm Thị Thu H4, ông Hoàng Quốc P1, ông Nguyễn Văn N1, ông Lê Khắc T1, ông Nguyễn Đức V2, bà Nguyễn Thị Hồng V đi công tác tại Thành phố Hà Nội số tiền 12.315.050đ.

- Phiếu chi số C0143 ngày 07/8/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Sùng Minh S, bà Sầm Thị Thu H4, ông Lê Khắc T1, ông Nguyễn Quang V1, bà Nguyễn Thị Thu C1 đi công tác tại Thành phố Thái Nguyên số tiền 4.038.000đ.

- Phiếu chi số C0139 ngày 08/8/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Sùng Minh S, ông Trần Xuân T3, ông Triệu Là P, ông Nguyễn Văn C, ông Lê Khắc T1, ông Hoàng Quốc P1, ông Lương Văn B, ông Nguyễn Đức V2, bà Sầm Thị Thu H4, bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Nguyễn Văn N1 đi công tác tại Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên số tiền 6.200.000đ.

- Phiếu chi số C0156 ngày 07/9/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Trần Xuân T3, ông Hoàng Quốc P1, ông Lương Văn B, ông Lê Khắc T1, ông Nguyễn Văn Ng1 đi công tác tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang số tiền 2.200.000đ.

- Phiếu chi số C0159 ngày 29/9/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Trần Xuân T3, ông Hoàng Quốc P1, ông Lương Văn B, Lê Khắc T1, Nguyễn Văn N1 đi công tác tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang số tiền 2.200.000đ.

- Phiếu chi số C0168 ngày 15/9/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Sùng Minh S, bị cáo Nguyễn Văn C, ông Lê Khắc T1, ông Nguyễn Văn N1 đi công tác tại thành phố Hà Nội số tiền 2.500.000đ.

- Phiếu chi số C0170A ngày 06/10/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Sùng Minh S, bị cáo Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Quang V1, ông Nguyễn Văn N1 đi công tác tại thành phố Hà Nội số tiền 2.500.000đ.

- Phiếu chi số C0174 ngày 07/10/2016: Thanh toán cho ông Sùng Minh S, bị cáo Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn N1 đi công tác tại thành phố Hà Nội số tiền 1.500.000đ.

- Phiếu chi số C0177 ngày 07/10/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Triệu Là P, ông Nguyễn Đức V2, ông Nguyễn Quang V1, bà Mai Thủy L1, ông Nguyễn Văn N1 đi công tác tại huyện H, tỉnh Hà Giang số tiền 1.200.000đ.

- Phiếu chi số C0181 ngày 18/10/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Sùng Minh S, bị cáo Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Quang V1, ông Nguyễn Văn N1, ông Hoàng Quốc P1, ông Nguyễn Đức V2 đi công tác tại thành phố Hà Nội số tiền 1.043.800đ.

- Phiếu chi số C0205A ngày 18/10/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Sùng Minh S, bị cáo Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Quang V1, ông Nguyễn Văn N1, ông Ngô Tuấn M đi công tác tại thành phố Hà Nội số tiền 3.900.000đ.

- Phiếu chi số C0180 ngày 18/10/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Triệu Là P, ông Hoàng Quốc P1, ông Nguyễn Quang V1, bà Sầm Thị Thu H4, ông Nguyễn Văn N1 đi công tác tại huyện B1, tỉnh Hà Giang số tiền 800.000đ.

- Phiếu chi số C0188 ngày 12/10/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Sùng Minh S, bị cáo Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Quang V1, ông Nguyễn Văn N1, ông Ngô Tuấn M đi công tác tại thành phố Hà Nội số tiền 3.900.000đ.

- Phiếu chi số C0202 ngày 18/11/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Sùng Minh S, bị cáo Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Quang V1, ông Nguyễn Văn N1 đi công tác tại huyện H, tỉnh Hà Giang số tiền 2.300.000đ.

- Phiếu chi số C0219 ngày 27/12/2016: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Sùng Minh S, ông Triệu Là P, bị cáo Nguyễn Văn C, ông Hoàng Quốc P1, ông Lương Văn B, bà Sầm Thị Thu H4, ông Nguyễn Đức V2, ông Nguyễn Văn N1 đi công tác tại tỉnh Bắc Giang số tiền 7.380.000đ.

- Phiếu chi số C069 ngày 19/9/2017: Thanh toán cho bà Nguyễn Linh H8 tiền tiếp khách là 1.520.000đ theo phiếu đề xuất ngày 23/01/2017 của bà H8 chi tiếp đoàn Ban nội chính Tỉnh ủy Khánh Hòa tại huyện M, tỉnh Hà Giang.

- Phiếu chi số C070 ngày 19/9/2017: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Triệu Là P, ông Bùi Quang T, ông Nguyễn Đức V2, ông Hoàng Quốc P1, ông Lương Văn B đi công tác tại huyện X, tỉnh Hà Giang số tiền 540.000đ.

- Phiếu chi số C080 ngày 25/10/2017: Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Sùng Minh S, bị cáo Nguyễn Văn C, ông Lê Khắc T1, ông Ngô Tuấn M, ông Nguyễn Quang V1, ông Nguyễn Đức V2, bà Nguyễn Thị H1 đi công tác tại huyện Q, tỉnh Hà Giang số tiền 1.200.000đ.

- Phiếu chi số C066 ngày 29/6/2018: Thanh toán cho ông Sùng Minh Sính, ông Trần Xuân T3, bị cáo Nguyễn Văn C, ông Hoàng Quốc P1, ông Lương Văn B, bà Sầm Thị Thu H4, bị cáo Nguyễn Thị Hồng V, bà Lò Thị N, ông Ngô Tuấn M, ông Nguyễn Quang V1, bà Nguyễn Thị H1, bà Mai Thủy L1 đi công tác tại tỉnh Lạng Sơn chi số tiền tiếp khách 5.760.000đ.

- Phiếu chi số C069 ngày 12/7/2018: Thanh toán cho ông Sùng Minh S, bị cáo Nguyễn Văn C, ông Ngô Tuấn M, ông Nguyễn Quang V1, ông Nguyễn Văn N1 đi công tác tại thành phố Hà Nội số tiền tiếp khách 3.000.000đ.

- Phiếu chi số C079 ngày 27/8/2018: Thanh toán cho ông Triệu Là Phạm, ông Nguyễn Đức V2, ông Đặng Văn H3, ông Bùi Quang T đi công tác tại tỉnh Cao Bằng số tiền tiếp khách 1.300.000đ.

3.2. Về số tiền 14.600.000đ: Ngày 29/01/2016, bị cáo V lập Ủy nhiệm chi số 06 thanh toán tiền đặt cơm tiếp cơm đoàn khách Ban Nội chính Tỉnh ủy Phú Yên số tiền 8.750.000đ và lập Ủy nhiệm chi số 82 ngày 09/8/2016 thanh toán tiền ngũ cho đoàn khách Phú Yên số tiền 3.600.000đ vào chuyến công tác của Ban nội chính tỉnh Phú Yên ngày 17/1/2016. Kết quả xác minh ngày 17/1/2016 Ban Nội chính Tỉnh ủy Phú Yên không cử đoàn công tác đến Ban Nội chính Tỉnh ủy Hà Giang.

Ngày 14/9/2016, bị cáo V lập Ủy nhiệm chi số 86 thanh toán tiền đặt cơm tiếp đồng chí V3 - Nguyên Lãnh đạo Ban Nội chính Thành ủy Hải Phòng số tiền 2.250.000đ. Kết quả xác minh ông Tô Quang V3 - Nguyên Phó trưởng ban thường trực Ban Nội chính Thành ủy Hải Phòng xác nhận ông không lên Hà Giang và không được Ban Nội chính Tỉnh ủy Hà Giang đón tiếp vào ngày 06/8/2016.

Xác minh tại nhà hàng và nhà nghỉ, xác nhận Ban Nội chính Tỉnh ủy có tổ chức đặt cơm tại nhà hàng và đặt phòng nghỉ, việc thanh toán được chuyển khoản và nhà hàng xuất hóa đơn theo quy định.

Quá trình làm việc với cơ quan điều tra, bị cáo V khai nhận việc chi tiếp khách là có thật, tiền tiếp khách được chuyển vào tài khoản của đơn vị thụ hưởng. Tuy nhiên, bị cáo không tham gia tiếp khách và chứng từ không lập ngay để quyết toán nên nhầm lẫn giữa tiếp đoàn khách Phú Yên, Hải Phòng với các đoàn khách khác nhưng bị cáo không giải trình được chi nhằm tiếp đoàn khách nào. Cơ quan điều tra xác định hành vi quyết toán nhằm đối tượng tiếp khách của các bị cáo gây thiệt hại số tiền **14.600.000đ**.

Như vậy, hành vi quyết toán tiền tiếp khách sai quy định từ năm 2015 đến đến năm 2018 gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước số tiền 122.421.650đ.

*** Kết quả trưng cầu giám định:**

- Tại Kết luận giám định số 884/STC-GĐTC ngày 19/5/2021 của Sở tài chính kết luận: Chi vượt định mức tiền tiếp khách số tiền 365.208.836đ; chi chứng từ kế toán chưa đầy đủ so với quy định về tiền tiếp khách, số tiền 107.821.650đ; các chứng từ công tác phí chưa đầy đủ so với các văn bản quy định là 1.173.746.630đ; các chứng từ làm thêm giờ, mua sắm tài sản đầy đủ so với các văn bản hiện hành.

Ngày 22/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra ban hành Công văn số 347/CV-CSKT "V/v đề nghị phối hợp trong giải quyết đơn tố giác tội phạm", trong đó đề nghị Giám định viên Sở Tài chính tỉnh Hà Giang xác định: "Các nội dung chi sai chế độ, chi chưa đủ chứng từ, chi vượt mức số tiền tiếp khách, tiền công tác phí nêu trong Kết luận giám định số 884/STC-GĐTC ngày 19/5/2021 có gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước không?".

Tại Công văn số 1169/STC-GĐVTP ngày 24/6/2021 "V/v giám định tài chính" Giám định viên tư pháp phúc đáp Công văn số 347/CV-CSKT ngày 22/6/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang như sau:

"Các chứng từ kế toán chưa đủ so với quy định về thanh toán tiền tiếp khách số tiền 107.821.650, (không có đối tượng tiếp khách, không có số lượng khách tiếp). Căn cứ kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định tính chính xác của từng chứng từ (thực tế có phát sinh tiếp khách hay không tiếp khách) để kết luận theo quy định của pháp luật. Nếu kết quả điều tra xác định chứng từ chi tiếp khách (thực tế có tiếp khách) thì khoản chi này không gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước; nếu kết quả điều tra xác định chứng từ chi tiếp khách (thực tế không tiếp khách) thì khoản chi này thất thoát cho ngân sách Nhà nước.

Các chứng từ kế toán chi vượt định mức quy định tại Nghị quyết số 58/2012/NQ-HĐND ngày 14/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định về chế độ tiếp khách trong nước, số tiền 365.208.836đ, vi phạm khoản 3 Điều 18 Luật ngân sách Nhà nước năm 2015, gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước.

Các chứng từ kế toán chi sai so với chế độ quy định 13.920.000đ (thanh toán công tác phí trùng 1 lần) gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước.

Các chứng từ kế toán không đủ so với quy định tại tiết c khoản 3 Điều 2 Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 và khoản 1, khoản 2 Điều 10 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính, số tiền 1.173.746.630đ... Căn cứ kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định tính chính xác của từng chứng từ (thực tế có phát sinh đi công tác hay không đi công tác) để kết luận theo quy định của pháp luật. Nếu kết quả điều tra xác định chứng từ thanh toán công tác phí (thực tế có đi công tác) thì khoản chi này không thất thoát cho ngân sách Nhà nước; nếu kết quả điều tra xác định chứng từ thanh toán công tác phí (thực tế không đi công tác) thì khoản chi này thất thoát cho ngân sách Nhà nước".

- Kết luận giám định số 24/KL-PC09 ngày 12/01/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Trần Thị Thu H7 trên các tài liệu cần giám định.

- Tại Kết luận giám định số 25/KL-PC09 ngày 25/01/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận:

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Cao Xuân H6 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A6, A7, A10, A12, A14, A18, A27, A35, A37 so với các tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không, do ít đặc điểm truy nguyên.

+ Chữ ký đứng tên Cao Xuân H6 trên các tài liệu A26, A29, A30, A31, A32, A39, A40, A41, A42 so với các tài liệu mẫu so sánh khác dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

+ Chữ viết đứng tên Cao Xuân H6 trên các tài liệu A4, A9, A11, A13, A17, A20, A22, A24, A28, A36, A38 so với các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết đứng tên Cao Xuân H6 trên các tài liệu A23, A42 so với các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người viết ra.

- Ngày 20/7/2021, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 03/QĐ-CSKT trưng cầu giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định chữ ký của ông Cao Xuân H6 trên một số chứng từ thanh toán tiền công tác phí. Tại Kết luận giám định số 325/KL-PC09 ngày 03/8/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Cao Xuân H6 trên các tài liệu A26, A29, A30, A31, A32, A39, A40, A41, A42 so với các tài liệu mẫu so sánh có phải do một người ký ra hay không.

- Kết luận giám định số 278/KL-PC09 ngày 29/6/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Lò Thị N trên các tài liệu cần giám định với các tài liệu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không.

- Kết luận giám định số 62/KL-KTHS-TL ngày 25/01/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Hoàng Quốc P1 trên các tài liệu cần giám định với các tài liệu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không.

Cáo trạng số 27/CT-VKSHG-P1, ngày 25/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V và Nguyễn Văn C về tội “*Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng V khai nhận: Trong một số buổi giao ban ông Sùng Minh S - Trưởng Ban có ý kiến trước tập thể về việc giữ lại tiền làm thêm giờ của cán bộ trong Ban để lấy tiền chi chung cho hoạt động của Ban, nhưng ông S không gặp riêng bị cáo để chỉ đạo và ông S cũng không được chỉ đạo bị cáo lập không chứng từ làm ngoài giờ để lấy tiền chi chung cho đơn vị. Tuy nhiên, thực tế kinh phí của Ban được cấp rất hạn hẹp, trong khi Ban phải thường xuyên tiếp khách và nhiều khoản chi phí khác nên từ quý IV năm 2015 đến tháng 10/2019, ngoài một số cán bộ đi làm thêm giờ thật, bị cáo đã tự ý lập không "Giấy báo làm thêm giờ", "Bảng chấm công làm thêm giờ" để làm chứng từ quyết toán số tiền 591.471.342đ. Ngoài ra, quá trình đi công tác do cán bộ phản ánh tiền công tác phí không đủ để chi phí nên bị cáo xin ý kiến bị cáo C là Chánh Văn phòng và được bị cáo C đồng ý cho thêm ngày, thêm người vào một số chuyến công tác để lấy tiền chi thêm cho đoàn công tác với số tiền 119.711.200đ; chi tiền ăn trong các chuyến công tác số tiền 107.821.650đ; chi nhằm đoàn khách Phú Yên, Hải Phòng số tiền 14.600.000đ. Tổng số tiền bị cáo gây thất thoát cho Ngân sách nhà nước là 833.604.192đ. Bị cáo V trình bày, toàn bộ số tiền 833.604.192đ đều được chi vào hoạt động chung của Ban Nội chính như bị cáo đã khai nhận tại Cơ quan điều tra và được Cáo trạng nhận định; bị cáo không được hưởng lợi ích vật chất gì từ số tiền lập chứng từ không. Nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội của bị cáo là do trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bị cáo non kém, không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ của kế toán, hiểu sai ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Ban Nội chính, danh dự của đồng nghiệp, bị cáo rất ân hận về sai phạm của mình.

Bị cáo Nguyễn Văn C khai nhận: Từ năm 2015 đến năm 2019, bị cáo là Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ 3 Ban Nội chính Tỉnh ủy, phụ trách điều hành và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Ban về mọi hoạt động công tác của Văn Phòng, có nhiệm vụ giúp Trưởng Ban ban hành các văn bản để quản lý tài chính, tài sản, đảm bảo phương tiện và điều kiện khác phục vụ hoạt động chung của Ban Nội chính. Bị cáo xác nhận lời khai của bị cáo V tại phiên tòa là đúng. Mặc dù ông S không được chỉ đạo bị cáo và bị cáo V lập không chứng từ làm ngoài giờ mà ông S chỉ đưa ra ý kiến trong một số cuộc họp là đề nghị giữ lại tiền làm ngoài giờ của cán bộ để chi chung cho hoạt động cơ quan. Nhưng do hiểu sai ý kiến của ông S và vì muốn có tiền chi vào hoạt động chung cho cơ quan nên khi bị cáo V lập chứng từ không, bị cáo không phản đối, không báo cáo Trưởng Ban mà đã đồng ý ký vào "Giấy đề nghị thanh toán" dưới mục "Phụ trách bộ phận" và mục "Chánh Văn phòng" trong "Bảng chấm công", để bị cáo V trình Trưởng Ban làm thủ tục quyết toán, gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước số tiền 591.471.342đ. Ngoài ra, khi biết một số cán bộ trong đơn vị phản ánh chế độ công tác phí không đủ chi phí trong các chuyến công tác, bị cáo đã không báo cáo Trưởng Ban mà tự ý chấp thuận đề xuất của bị cáo V về việc thêm ngày, thêm người vào một số chuyến công tác để lấy tiền chi thêm cho đoàn công tác gây thất thoát cho ngân sách nhà nước số tiền 119.711.200đ; bị cáo cũng được ký chứng từ cho bị cáo V quyết toán tiền ăn cho cán bộ đi công tác vào tiền tiếp khách gây thất thoát số tiền 107.821.650đ; ký chứng từ chi tiếp nhằm đoàn

khách Phú Yên, Hải Phòng gây thất thoát số tiền 14.600.000đ. Bị cáo C trình bày, bị cáo không được hưởng lợi ích vật chất gì từ hành vi lập khống chứng từ của bị cáo V, việc bị cáo ký vào các chứng từ do bị cáo V lập khống đều theo đề xuất của bị cáo V để chi cho hoạt động chung của Ban. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là trái với nguyên tắc tài chính, kế toán và thực hiện không đúng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, gây thất thoát cho ngân sách nhà nước.

Đại diện theo pháp luật cho bị hại, bà Đoàn Thị Tân H11 - Phó Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy trình bày: Sự việc xảy ra là không mong muốn, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V và Nguyễn Văn C, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất mức độ vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với những nội dung khác như số tiền các bị cáo gây thiệt hại đã được khắc phục hậu quả và cây máy tính bị thu giữ là tài sản của Ban Nội chính, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Giàng Thị L trình bày: Bà L xác nhận lời khai của mình như đã khai báo tại Cơ quan điều tra là đúng. Thực tế bà không làm thêm giờ nhưng bà vẫn ký chứng từ làm ngoài giờ cho bị cáo V quyết toán tổng số tiền 5.214.395đ. Lý do bà ký là vì, năm 2018 bà Nguyễn Linh H8 nghỉ việc nên bà L đảm nhiệm thêm công vệ sinh, dọn phòng Lãnh đạo, mỗi tháng được hưởng 2.000.000đ. Bị cáo V đã giải thích, do bà đang là công chức của Ban, không thể ký thêm hợp đồng lao động nên bà đã ký vào chứng từ làm thêm giờ để làm thủ tục quyết toán số tiền hàng tháng chi trả cho bà. Bà L cho rằng, việc bị cáo V lập khống chứng từ là để cơ quan có tiền trả hàng tháng chi trả cho bà, nhằm mục đích bảo đảm quyền lợi của bà, vì vậy bà L xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng V.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa gồm: Ông Sùng Minh S⁽¹⁾, bà Nguyễn Thị H1⁽²⁾, ông Triệu Là P⁽³⁾, ông Lưu Đức H2⁽⁴⁾, ông Đặng Văn H3⁽⁵⁾, ông Hoàng Quốc P1⁽⁶⁾, ông Nguyễn Quang V1⁽⁷⁾, ông Nguyễn Đức V2⁽⁸⁾, ông Ngô Tuấn M⁽⁹⁾, bà Mai Thủy L1⁽¹⁰⁾, bà Nguyễn Thị Thu C1⁽¹¹⁾, bà Sầm Thị Thu H4⁽¹²⁾, ông Lương Văn B⁽¹³⁾, bà Lò Thị N⁽¹⁴⁾, ông Nguyễn Quốc H5⁽¹⁵⁾, ông Cao Xuân H6⁽¹⁶⁾, ông Bùi Quang T⁽¹⁷⁾, ông Lê Khắc T1⁽¹⁸⁾, bà Trần Thị Thu H7⁽¹⁹⁾, ông Nguyễn Văn N1⁽²⁰⁾, ông Bùi Quang T2⁽²¹⁾. Trong đơn xin vắng mặt của họ (20/21 người có đơn xin vắng mặt; có 01 người bị ốm, đã trực tiếp gọi điện xin vắng mặt) không ai có ý kiến thay đổi lời khai hoặc trình bày ý kiến bổ sung và không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Văn C về tội “*Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự; sau khi phân tích về tính chất, mức độ, động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội; mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả; vai trò tham gia thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Văn C phạm tội "*Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ*".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 356; Điều 17, Điều 58; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng V từ 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng đến 03 (*ba*) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 02 (*hai*) năm đến 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 (*bốn*) đến 05 (*năm*) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

* *Về hình phạt bổ sung*: Áp dụng khoản 4 điều 356 Bộ luật Hình sự, cấm các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Văn C đảm nhiệm chức vụ quản lý liên quan đến công tác tài chính, kế toán tại các cơ quan, tổ chức từ 01 (*một*) năm đến 02 (*hai*) năm, kể từ ngày chấp hành xong bản án.

3. Về phần trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; trả lại cho Ban Nội chính Tỉnh ủy số tiền 833.604.192đ các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp để khắc phục hậu quả.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (*một*) cây case máy tính nhãn hiệu HP pro330 MT bị cáo Nguyễn Thị Hồng V sử dụng vào việc phạm tội, do đã hết niên hạn sử dụng.

5. Về án phí: Các bị cáo, mỗi người phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Phản tranh luận: Các bị cáo; đại diện bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí với nội dung luận tội và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, không ai tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị Hồng V: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là sai trái với pháp luật nên bị đưa ra xét xử là đúng, bị cáo rất ân hận và đã chủ động nộp 200.000.000đ khắc phục hậu quả, hiện tại mẹ đẻ bị cáo đang mắc bệnh U màng não nên bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, để bị cáo có cơ hội được chăm sóc gia đình và mẹ già.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn C: Bị cáo đã nhận thức được sai phạm của bị cáo nên đã tự nguyện nộp 100.000.000đ khắc phục hậu quả trước khi khởi tố vụ án, kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo và bị cáo V cùng được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HS ngày 12/12/2022, Tòa án đã triệu tập bổ sung 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1979; trú tại: Tổ 12, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang và ông Bùi Quang T2, sinh năm 1982; trú tại: Tổ 17, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Tại phiên tòa, 21/22 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập xin vắng mặt tại phiên tòa vì nhiều lý do khác nhau (*20 người có đơn xin xét xử vắng mặt; 01 người gọi điện xin vắng mặt vì lý do bị ốm*). Sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, đại diện bị hại, xét thấy sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, vì họ đã có lời khai đầy đủ trong giai đoạn điều tra, được lưu trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận tại chỗ và quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Văn C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của đại diện bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; kết luận giám định và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng cuối năm 2014, đầu năm 2015 trong một số buổi giao ban ông Sùng Minh S, Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy có ý kiến chỉ đạo với nội dung *“Do kinh phí đơn vị còn hạn hẹp nên toàn bộ tiền làm thêm giờ của cán bộ giữ lại để chi chung cho hoạt động của cơ quan”*. Hiểu sai ý kiến của ông S, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, từ năm 2015 đến năm 2019, Nguyễn Thị Hồng V đã lập không chứng từ làm ngoài giờ của 14 cán bộ quyết toán số tiền **591.471.342đ**, để chi chung các hoạt động của Ban. Ngoài lập không chứng từ làm thêm giờ, bị cáo V còn xin ý kiến của bị cáo Nguyễn Văn C là Chánh Văn phòng lập không chứng từ công tác phí bằng cách thêm người, thanh toán trùng ngày vào chuyên công tác với số tiền **119.711.200đ**, để chi cho các cán bộ tiếp đi công tác. Cán bộ đi công tác đã được thanh toán đủ chế độ nhưng bị cáo V và bị cáo C vẫn đồng ý chi thêm tiền ăn uống dọc đường vào tiền tiếp khách số tiền **107.821.650đ**; chi tiếp khách nhằm đoàn khách Phú Yên và đoàn Hải Phòng số tiền **14.600.000đ**. Hành vi lập không chứng từ để thanh toán tiền làm thêm giờ, tiền công tác phí và tiền ăn đi công tác, tiền tiếp khách gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước

số tiền **833.604.192đ**. Đối với bị cáo Nguyễn Văn C là Chánh Văn phòng Ban Nội chính Tỉnh ủy, phụ trách điều hành và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Ban về mọi hoạt động công tác của Văn Phòng, có nhiệm vụ giúp Trưởng ban ban hành các văn bản để quản lý tài chính, tài sản đảm bảo phương tiện và điều kiện khác phục vụ hoạt động chung của Ban Nội chính. Nhưng trong quá trình công tác bị cáo C đã ký vào các chứng từ cho bị cáo V để trình Trưởng Ban làm thủ tục quyết toán không tiền làm thêm giờ, tiền công tác phí, tiền ăn đi công tác và tiền tiếp khách nên bị cáo C phải chịu trách nhiệm chung cùng với bị cáo V về số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là **833.604.192đ**.

[4]. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V và Nguyễn Văn C về tội "*Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ*" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5]. Khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*".

Khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 05 (năm) năm đến 10 (mười) năm đối với các trường hợp:

a)

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng".

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Văn C không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều "*thành khẩn khai báo*", tỏ ra "*ăn năn hối cải*"; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả trước khi vụ án bị khởi tố, điều tra, trong đó bị cáo V bồi thường số tiền 200.000.000đ, bị cáo C bồi thường số tiền 100.000.000đ. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị Hồng V, trong các năm từ 2015 đến 2018, được Ban Nội chính Tỉnh ủy tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; năm 2016 được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen; ông nội bị cáo là cụ Nguyễn Ngọc T4 có công với cách mạng; mẹ đẻ bị cáo hiện đang mắc bệnh U màng não. Đối với bị cáo Nguyễn Văn C trong các năm từ 2015 đến năm 2018, được Ban Nội chính Tỉnh ủy tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen, tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp tỉnh và nhiều giấy khen khác; bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Sỹ C2 là người có công với cách mạng, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, là thương binh loại A, hạng 4/4. Do đó, các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V và Nguyễn Văn C cùng được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8]. Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra: Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý; xâm phạm trực tiếp đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng V là kế toán của Ban Nội chính Tỉnh ủy nhưng đã không thực hiện đúng nguyên tắc tài chính, kế toán. Mặc dù trong một số buổi giao ban toàn thể cơ quan vào khoảng cuối năm 2014 đến đầu năm 2015, ông Sùng Minh S - Trưởng Ban có được đưa ra ý kiến về việc giữ lại tiền làm thêm giờ để lấy tiền chi chung cho hoạt động của cơ quan, bị cáo không những không đưa ra ý kiến tham mưu cho Lãnh đạo phải thực hiện đúng nguyên tắc tài chính, kế toán và khoản 2 Điều 10 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2015 của đơn vị, trái lại bị cáo còn hiểu sai ý kiến chỉ đạo của Trưởng ban, từ quý IV/2014 đến T10/2019, bị cáo tự ý lập khống chứng từ bằng cách soạn thảo giấy báo làm thêm giờ của 14 cán bộ trong đơn vị, sau đó nhờ các cá nhân có tên trong giấy báo ký tên dưới mục "*Người báo làm thêm giờ*"; lập "*Bảng chấm công làm thêm giờ*" có xác nhận của Chánh Văn phòng là bị cáo C, sau đó trình Trưởng Ban cùng một số chứng từ khác để quyết toán số tiền được cấp làm thêm giờ, với mục đích giữ lại chi chung cho các hoạt động của Ban Nội chính như: Chi hỗ trợ may trang phục; chi tiền Tết nguyên đán; chi soạn thảo văn bản; chi dọn dẹp vệ sinh cơ quan; tổ chức cho chị em đi chơi ngày 20/10; chi tiền cho chuyến công tác học tập kinh nghiệm tại Ninh Bình, Quảng Ninh; chi cho đoàn công tác Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ; chi bù tiếp khách các huyện trong tỉnh; chi thuê người dọn bể nước, mái nhà làm việc... Tổng số 14 cán bộ không làm thêm giờ nhưng bị cáo V đã tự ý lập chứng từ làm thêm giờ để quyết toán khống số tiền 591.471.342đ. Ngoài ra, bị cáo còn lập khống chứng từ công tác phí bằng cách thêm người, thêm ngày vào các chuyến công tác với số tiền 119.711.200đ để chi cho cán bộ thực tế đi công tác. Cán bộ đi công tác đã được thanh toán đúng chế độ nhưng bị cáo vẫn tự ý chi ăn uống dọc đường vào tiền tiếp khách cho đoàn công tác số tiền 107.821.650đ và chi nhâm đoàn khách Phú Yên, Hải Phòng số tiền 14.600.000đ. Tổng số tiền bị cáo gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 833.604.192đ.

[9]. Đối với bị cáo Nguyễn Văn C, là Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ 3 Ban Nội chính Tỉnh ủy, phụ trách điều hành và chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Ban về mọi hoạt động công tác của Văn phòng, có nhiệm vụ giúp Trưởng Ban ban hành các văn bản để quản lý tài chính, tài sản bảo đảm phương tiện và điều kiện khác phục vụ hoạt động chung của Ban Nội chính, cũng giống như bị cáo V, khi nghe ông S phát biểu trong một số buổi họp cơ quan "*Để quan tâm đến đời sống anh em và chi cho các hoạt động của cơ quan không quyết toán được theo quy định thì tiền làm thêm không được chi nữa để lại chi chung*", trong cuộc họp không ai có ý kiến gì nên bị cáo cũng không hiểu đúng ý kiến chỉ đạo của ông Sính. Do vậy, mặc dù biết một số cán bộ Văn phòng do bị cáo trực tiếp quản lý như bà Nguyễn Thị H1, ông Ngô Tuấn M, ông Nguyễn Quốc H5, bà Mai Thủy L1, bà Giàng Thị L và cán bộ các phòng nghiệp vụ khác không làm thêm giờ nhưng bị cáo vẫn ký chứng từ cho bị cáo V để làm thủ tục quyết toán khống tiền làm thêm

giờ, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chung cùng với bị cáo V số tiền gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước là 591.471.342đ. Về quản lý nguồn tiền công tác phí, thực hiện theo quy chế làm việc số 13-QC/BNC ngày 26/9/2013 của Ban Nội chính Tỉnh ủy, với vai trò là Chánh Văn phòng, bị cáo được thừa lệnh Trưởng ban ký giấy đi đường; cán bộ Ban Nội chính khi đi công tác xây dựng kế hoạch trình Lãnh đạo ban phê duyệt và gửi Văn phòng để bảo đảm công tác phục vụ. Qua nghe cán bộ trong đơn vị phản ánh lại tiền công tác phí không đủ để chi cho mỗi chuyến công tác nên khi bị cáo V đề xuất xin ý kiến về việc tăng thêm ngày, thêm người bù vào các chuyến công tác, bị cáo C đã tự ý đồng ý mà không xin ý kiến của Trưởng ban, ngoài ra bị cáo còn ký chứng từ cho bị cáo Vân để quyết toán tiền ăn cho cán bộ đi công tác vào tiền tiếp khách; chi tiếp nhằm đoàn khách Phú Yên, Hải Phòng. Vì vậy, bị cáo C phải chịu trách nhiệm chung với bị cáo V số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước từ hành vi lập khống chứng từ; thêm người, thêm ngày vào các chuyến công tác là 119.711.200đ và chi tiền ăn không đúng là 122.421.650đ. Tổng số tiền bị cáo C gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 833.604.192đ.

[10]. Về vai trò của từng bị cáo trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội: Trong vụ án này, hành vi phạm tội của các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Bị cáo Nguyễn Thị Hồng V là người khởi sự, trực tiếp lập chứng từ khống để thanh quyết toán tiền làm thêm giờ; tiền công tác phí; tiền ăn cho các đoàn công tác không đúng nguyên tắc tài chính, kế toán và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Mặc dù ông S có đề nghị cán bộ trong đơn vị giữ lại tiền ngoài giờ để chi chung cho hoạt động cơ quan, nhưng ông S không chỉ đạo bị cáo và bị cáo C lập chứng từ khống để lấy tiền chi cho đơn vị, biết việc lập chứng từ khống là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ, mục đích vụ lợi cho tập thể, uy tín cá nhân nên bị cáo đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền 833.604.192đ. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo được xác định là người giữ vai trò chính trong vụ án nên cần phải có biện pháp xử lý bị cáo nghiêm khắc hơn so với bị cáo C. Đối với bị cáo Nguyễn Văn C, thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức cho bị cáo V trong việc ký xác nhận với tư cách là Chánh Văn phòng vào các chứng từ khống để quyết toán tiền làm thêm giờ, tiền công tác phí, tiền ăn cho các đoàn công tác và chi tiếp khách nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện. Vì vậy, cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo.

[11]. Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn C không có tình tiết tăng nặng nào và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đặc biệt các bị cáo đã cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án khác phục toàn bộ thiệt hại trước khi vụ án bị khởi tố, do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật, cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Đối với bị cáo V là người khởi sự và trực tiếp lập khống chứng từ trình bị cáo C ký hoàn thiện thủ tục quyết

toán nên cần phải xử lý bị cáo V mức án cao hơn so với bị cáo C mới bảo đảm nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong pháp luật hình sự. Hội đồng xét xử cũng xét thấy, các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V và Nguyễn Văn C thực hiện hành vi phạm tội không vì mục đích tư lợi cá nhân mà sử dụng khoản tiền lập không chứng từ chi chung cho hoạt động của tập thể và chính cán bộ tham gia công tác. Về nhân thân, cả 02 bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, tại phiên tòa các bị cáo đều xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, trong đó bị cáo V có mẹ đẻ là bà Bùi Thị T4 đang mắc bệnh U màng não, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

[12]. Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự, cấm các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Văn C đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác tài chính, kế toán với thời hạn 01 năm kể từ khi chấp hành xong bản án.

[13]. Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Văn C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện nộp đủ số tiền 833.604.192đ, các bị cáo gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Vì vậy, cần tuyên trả lại cho bị hại là Ban Nội chính Tỉnh ủy Hà Giang toàn bộ số tiền 833.604.192đ, để Ban Nội chính Tỉnh ủy thực hiện theo Luật nhân sách nhà nước.

[14]. Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ 01 cây máy tính nhãn hiệu HP pro330 MT, bị cáo Nguyễn Thị Hồng V sử dụng trong quá trình công tác. Mặc dù bị cáo V đã sử dụng vào việc phạm tội nhưng đây là tài sản Nhà nước nên cần trả lại cho Ban Nội chính Tỉnh ủy Hà Giang là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng.

[15]. Về hành vi của những người có liên quan đến vụ án là Lãnh đạo và cán bộ của Ban Nội chính Tỉnh ủy

- *Đối với ông Sùng Minh S⁽¹⁾* là Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy, quá trình thực hiện nhiệm vụ chưa thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao, thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý điều hành cơ quan, khi ký các chứng từ thanh toán tiền công tác phí, tiền làm thêm giờ, tiền tiếp khách không kiểm tra, không sát sao dẫn đến cán bộ tự ý làm thủ tục quyết toán không tiền làm thêm giờ và tiền công tác phí, thanh toán tiền ăn dọc đường vào tiền tiếp khách, chi nhầm đoàn khách từ năm 2015 đến năm 2019 gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 833.604.192đ. Sai phạm của ông S đã có đủ yếu tố cấu thành tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*". Tuy nhiên, hành vi sai phạm của ông Sính đã bị Ban Chấp hành Trung ương kỷ luật bằng hình thức Cách chức Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy Hà Giang nhiệm kỳ 2015 - 2020, 2020 - 2025 tại Quyết định số 433-QĐNS/TW ngày 20/01/2022. Quá trình công tác ông Sính được tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba vì có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2007 đến 2011, góp phần vào sự nghiệp xây

dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc; được tặng Huy hiệu vì đã có nhiều thành tích công hiến đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Hà Giang và nhiều Giấy khen, Bằng khen khác. Ông S là người dân tộc thiểu số, quá trình công tác tại địa phương luôn giữ vững và thúc đẩy tình đoàn kết các dân tộc, đấu tranh với các hành vi gây mất đoàn kết, ảnh hưởng tới tình hình an ninh trật tự trên địa bàn như truyền đạo, theo đạo trái phép, di cư tự do, đấu tranh với tà đạo trên địa bàn xã S huyện M, gia đình có uy tín trên địa bàn đặc biệt là dân tộc Mông. Quá trình làm việc với cơ quan điều tra ông S đã nhận thức được hành vi sai phạm của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực khắc phục hậu quả phần lớn số tiền bị thiệt hại trước khi khởi tố vụ án và phối hợp với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; ông S là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; được Ban Nội chính Tỉnh ủy xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Xét thấy, hành vi sai phạm của ông Sùng Minh S chưa đến mức cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự, căn cứ khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang miễn trách nhiệm hình sự đối với ông Sùng Minh S là có căn cứ.

- *Đối với bà Nguyễn Thị H1⁽²⁾* là cán bộ Văn phòng Ban Nội chính Tỉnh ủy từ năm 2015 với nhiệm vụ được giao là văn thư - Thủ quỹ, bà H1 không được tiếp nhận ý kiến chỉ đạo của ông S về việc giữ lại tiền mà được bị cáo C, bị cáo V chỉ đạo giữ lại tiền làm thêm giờ từ năm 2015 đến năm 2019 để chi chung cho hoạt động của cơ quan. Số tiền giữ lại được bà H1 ghi chép vào sổ tay, vì đã được quyết toán nên một số khoản chi không có Bảng kê, hóa đơn thể hiện việc chi tiền nhưng có sổ sách để theo dõi các khoản chi. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh xác định: Các khoản tiền giữ lại đều được chi cho các hoạt động của đơn vị như chi tiền tết, tiền may trang phục, tiền xây dựng văn bản, tiền liên hoan, tiền tiếp khách... Ngoài việc được giao và quản lý tiền làm thêm giờ lập không bà H1 còn ký vào chứng từ cho bị cáo V làm thủ tục quyết toán số tiền 25.325.747đ. Quá trình làm việc với cơ quan điều tra bà H1 nhận thức được bản thân chưa làm đúng chức trách nhiệm vụ được giao, không tham mưu, không theo dõi các khoản thu chi của đơn vị theo quy định, không làm thêm giờ nhưng ký chứng từ cho bị cáo V làm thủ tục quyết toán tiền làm thêm giờ gây thiệt hại số tiền 25.325.747đ. Quá trình điều tra xác định, bà H1 dù không được ông S chỉ đạo nhưng là cán bộ Văn phòng Ban Nội chính Tỉnh ủy thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo C và bị cáo V nên bà đã giữ lại tiền làm thêm giờ để chi tiêu chung cho các hoạt động của cơ quan. Xét thấy, bà H1 là người có quan hệ lệ thuộc, không vì động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác; trong giai đoạn điều tra bà H1 đã chủ động khai báo, cung cấp thông tin, tài liệu chứng cứ, góp phần có hiệu quả vào việc điều tra, xử lý tội phạm; đã tự nguyện nộp số tiền 16.878.000đ để khắc phục hậu quả. Sai phạm của bà H1 đã được xử lý kỷ luật theo luật công chức, viên chức và điều lệ Đảng. Hành vi của bà H1 không phải là nguyên nhân gây ra điều kiện cho các bị cáo phạm tội, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với bà H1 là có căn cứ.

- *Đối với 16 cán bộ Ban Nội chính giúp sức cho hành vi sai phạm của các bị cáo gồm:* Bà Sầm Thị Thu H4, ông Lương Văn B, ông Nguyễn Quang V1, ông Nguyễn Đức V2 kết quả điều tra xác định: Khoảng cuối năm 2014 đầu năm 2015

được sự chỉ đạo của ông S về việc giữ lại tiền làm thêm giờ để chi tiêu cho hoạt động của cơ quan, khi ông S chỉ đạo như vậy, những cán bộ trên hiểu rằng phải ký chứng từ làm thêm giờ để quyết toán lấy tiền chi tiêu cho hoạt động của cơ quan, do đó, dù không làm thêm giờ nhưng khi bị cáo V đưa chứng từ làm thêm giờ và nhờ ký để lấy tiền chi tiêu cho hoạt động của cơ quan, những cán bộ trên đã ký chứng từ cho bị cáo V để làm thủ tục quyết toán.

+ Ông Ngô Tuấn M, bà Mai Thủy L1, bà Nguyễn Thị Thu C1, ông Nguyễn Quốc H5 đến nhận công tác tại Ban Nội chính sau năm 2015 nên không biết ý kiến chỉ đạo của ông S mà chỉ được nghe bị cáo V truyền đạt lại ý kiến của ông S về việc ký chứng từ không để lấy tiền chi tiêu cho hoạt động của cơ quan, do đó khi V đưa chứng từ dù không làm thêm giờ nhưng vẫn ký chứng từ cho V để quyết toán.

+ Bà Giàng Thị L công tác tại Ban Nội chính từ năm 2013 đến nay, trong các cuộc họp giao ban bà L đều tham gia, bà L không được nghe, không biết về việc ông S chỉ đạo cán bộ lập, ký không chứng từ tiền làm thêm giờ. Lý do bà L ký vào chứng từ là do bị cáo V nói ký chứng từ để thanh toán tiền công dọn dẹp vệ sinh cơ quan cho bà L.

+ Bà Trần Thị Thu H7 công tác tại Ban Nội chính từ năm 2013 đến khoảng giữa năm 2015, bà H7 không biết về chủ trương ký chứng từ làm thêm giờ để lấy tiền chi tiêu cho hoạt động của cơ quan và cũng không thấy ai nói về việc đó, chữ ký trên chứng từ thanh toán không phải của bà H7, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký của bà H7 trên chứng từ thanh toán tiền làm thêm giờ, tuy nhiên do ít đặc điểm truy nguyên nên cơ quan giám định không xác định được chữ ký trên chứng từ có phải của bà H7 hay không.

+ Ông Hoàng Quốc P1 công tác tại Ban nội chính từ năm 2013 đến năm 2020, trong thời gian công tác tại Ban Nội chính ông P1 không được quán triệt nội dung không làm thêm giờ nhưng ký chứng từ để lấy tiền chi tiêu cho các hoạt động chung của cơ quan. Các chứng từ thanh toán tiền làm thêm giờ ông P1 cho rằng không phải chữ ký của mình. Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của ông P1 trên các chứng từ thanh toán. Tại Kết luận giám định số 62/KL-KTHS-TL ngày 25/01/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận "*Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Hoàng Quốc P1 trên các tài liệu cần giám định với các tài liệu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không*".

+ Bà Lò Thị N và ông Đặng Văn H3 khai ông S chỉ đạo ký không chứng từ cho kế toán nên khi kế toán đưa chứng từ, mặc dù không làm thêm giờ nhưng vẫn ký xác nhận, nhưng không có tài liệu hoặc chứng cứ vật chất giao nộp cho Cơ quan điều tra để chứng minh cho lời khai của mình.

+ Ông Cao Xuân H6 công tác tại Ban Nội chính từ tháng 12/2014 đến tháng 01/2017, trong thời gian công tác bị cáo V đưa chứng từ lập không cùng với những chứng từ mà ông H6 thực tế đi công tác và dán sẵn giấy nhớ vào từng bộ chứng từ có tên ông H6, do không kiểm tra kỹ và tin tưởng bị cáo V nên ông H6 đã ký vào chứng từ cho bị cáo V quyết toán.

+ Ông Nguyễn Văn N1 là lái xe thực hiện nhiệm vụ đưa đón cán bộ đi công tác và chi phí cho đoàn công tác, do có nhiều chuyến công tác không đủ chi phí cho chuyến đi nên ông N1 đã đề xuất với bị cáo C và bị cáo V chi thêm tiền cho đoàn công tác, do đó các bị cáo đã lập khống chứng từ bằng cách thêm ngày, thêm người chuyến công tác để thêm tiền chi phí cho đoàn công tác.

+ Ông Bùi Quang T2 là lái xe công tác tại Ban Nội chính Tỉnh ủy từ năm 2013 đến 31/8/2018 khi đi công tác ông T2 chi tiền cho chuyến đi bằng tiền cá nhân hoặc ứng tiền từ chị H1, chi hết bao nhiêu ông T2 báo lại cho chị H1 và bị cáo V. Việc bị cáo V làm thủ tục quyết toán như thế nào ông T2 không nắm được, ông T2 xác định nếu bị cáo V thêm ngày, thêm người vào các chuyến công tác do ông T2 là lái xe và đúng với số tiền ông T2 đã chi thì cán bộ trong đoàn đi công tác đều được hưởng lợi.

Những cán bộ trên khi bị cáo V đưa chứng từ và nhờ ký để làm thủ tục quyết toán, dù không làm thêm giờ nhưng vẫn ký vào giấy báo làm thêm giờ và Bảng kê thanh toán tiền làm thêm giờ cho bị cáo V để làm thủ tục quyết toán; không đi công tác nhưng vẫn ký vào Giấy đi đường hoặc ký hộ người khác vào giấy đi đường và Bảng kê thanh toán tiền công tác phí; thanh toán tiền ăn với tổng số tiền là 833.604.192đ. Quá trình điều tra xác định những cán bộ trên là người có quan hệ lệ thuộc, không có nghiệp vụ về tài chính, kế toán, đã chủ động khai báo với cơ quan điều tra trước khi khởi tố vụ án, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, góp phần có hiệu quả vào việc điều tra, xử lý tội phạm. Hành vi sai phạm của các cá nhân trên tùy từng mức độ đã bị xử lý kỷ luật theo luật công chức, viên chức và điều lệ Đảng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý bằng pháp luật hình sự là có căn cứ.

[16]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhất trí với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về tội danh, mức hình phạt; trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo. Riêng việc xử lý vật chứng, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc tịch thu tiêu hủy 01 cây máy tính nhãn hiệu HP pro330 MT do đã hết niên hạn sử dụng, vì Ban Nội chính là chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản và không có lỗi trong việc để bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Do đó, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự để trả lại tài sản cho Ban Nội chính Tỉnh ủy Hà Giang.

[17]. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, các bị cáo bị kết tội nên phải chịu tiền án hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

[18]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Văn C phạm tội "*Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ*".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 356; Điều 17, Điều 58; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng V 03 (*ba*) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (*năm*), tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 (*hai*) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (*bốn*) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng V cho UBND phường M, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho UBND phường N, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng quy định của Luật thi hành án hình sự.

** Về hình phạt bổ sung:* Áp dụng khoản 4 điều 356 Bộ luật Hình sự, cấm các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Văn C đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị 01 (*một*) năm, kể từ ngày chấp hành xong bản án.

3. Về phần trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự, trả lại cho Ban Nội chính Tỉnh ủy Hà Giang số tiền 833.605.000đ (*làm tròn*), đã chuyển vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/10/2022.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, trả lại cho Ban Nội chính Tỉnh ủy Hà Giang 01 (*một*) cây case máy tính nhãn hiệu HP pro330 MT; số seri: SGH351S7MW, tình trạng hoạt động bình thường, đã qua sử dụng.

(Nhu Biên bản giao nhận ngày 26/10/2022 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội, các bị cáo Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC01, PC03, PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBKT Tỉnh ủy;
- UBND Phường M, phường N
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh;
- Tổ HCTP-TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vương Thị Thu Hà